

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Z
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 917/2018/HNGĐ - ST
Ngày 19 tháng 11 năm 2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ HẠNG

Các Hội thẩm nhân dân: Bà NGUYỄN THỊ TÌNH
Ông TRẦN HUY LIÊN

- Thư ký phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ THÚY - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Z.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ NHƯ HẠNH - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 921/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà NGUYỄN THỊ TUYẾT TR - sinh năm 1984

Nơi cư trú: Tổ dân phố 9, phường NH, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

***Bi đơn:** Ông TRẦN MINH T - sinh năm 1978

Nơi ĐKKHKT: 6/11 BTX, phường PT, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, thôn PT, xã VT, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Tuyết Tr trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Tôi và ông Trần Minh T tự nguyện kết hôn vào năm 2004, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa. Chúng tôi có hai con chung là Trần Tuyết N, sinh ngày 07/6/2004 và Trần Minh Ng, sinh ngày 01/5/2016. Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Một mình tôi phải lo toan gia đình, ông T không những không có trách nhiệm với vợ con mà còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình, tôi đã cố gắng nhẫn nhịn và chịu đựng, chỉ mong ông T có thể suy nghĩ lại nhưng ông T vẫn chứng nào tật đó. Đến nay tôi không thể chịu đựng được nữa, tình

cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông T.

Về con chung: Sau khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi hai cháu N và Ng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- *Bị đơn, ông Trần Minh T:* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc, vì vậy trong hồ sơ vụ án không thể hiện lời trình bày của ông T và Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tuyết Tr và ông Trần Minh T không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Tuyết Tr được ly hôn với ông Trần Minh T. Giao các con chung cho bà Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Tr không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 bà Nguyễn Thị Tuyết Tr có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Trần Minh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Tr, ông T.

**Về quan hệ hôn nhân và gia đình:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr và ông Trần Minh T kết hôn vào ngày 28 tháng 12 năm 2004 tại thị trấn NH, thị xã NH, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 507, quyển 03/2004 - Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo như bà Tr trình bày thì thời gian đầu, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận nhưng từ năm 2016 lại thường xuyên phát sinh mâu thuẫn bất hòa, do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặc dù vậy, bà cũng đã nhiều lần cố gắng hòa thuận để tiếp tục chung sống vì các con nhưng không có kết quả. Thực tế bà Tr và ông T đã tự sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Bà không còn tình cảm với ông Tuấn nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông T.

Xét tình trạng hôn nhân giữa bà Tr và ông T không thể hàn gắn được, bởi lẽ cả hai bên đã không còn chung sống với nhau, vợ chồng bỏ mặc nhau, mỗi người

sống một nơi không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã nhiều lần hòa giải giữa hai bên nhưng ông Tuấn vẫn cố tình không đến Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Tr là chính đáng có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr và ông Trần Minh T có hai con chung là Trần Tuyết N, sinh ngày 07/6/2004 và Trần Minh Ng, sinh ngày 01/5/2016. Hội đồng xét xử xét thấy: Hai cháu N và Ng đang sống cùng với bà Tr và các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Đồng thời, Bà Tr cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, việc bà Tr yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai cháu N và Ng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Tuyết Tr.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr được ly hôn ông Trần Minh T.

2. Về con chung: Giao các con chung là Trần Tuyết N, sinh ngày 07/6/2004 và Trần Minh Ng, sinh ngày 01/5/2016 cho bà Nguyễn Thị Tuyết Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Minh T do bà Tr không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết Tr phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu tiền số AA/2016/000 9359 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z. Như vậy, bà Tr đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp.Z;
- Chi cục THADS Tp.Z;
- UBND thị trấn N H, TX NH;
- Các đương sự;
- Lưu án văn + hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hạng